

BỘ 5 ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ 1
MÔN TOÁN LỚP 2 - KNTT
NĂM HỌC 2024 - 2025

ĐỀ 1

PHẦN I. Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: (4đ)

Câu 1. (0,5đ) Số 65 đọc là:

- A. Sáu lăm B. Sáu mươi năm C. Sáu mươi lăm D. Sáu năm

Câu 2. (0,5đ) Số tròn chục liền sau số 70 là số?

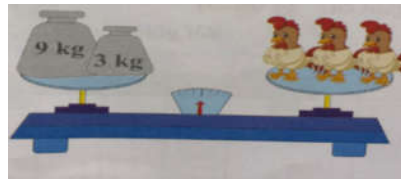
- A. 60 B. 80 C. 69 D. 71

Câu 3. (0,5đ) Kết quả của phép cộng $36 + 7$ là:

- A. 44 B. 33 C. 43 D. 53

Câu 4: (0,5đ) Ba con gà có số cân nặng là:

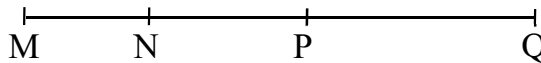
- A. 12 kg B. 4kg
C. 3kg D. 6kg



Câu 5. (0,5đ) Tổng của 3dm và 5cm là:

- A. 35cm B. 35dm C. 8dm D. 8cm

Câu 6. (0,5đ) Hình vẽ dưới đây có mấy đoạn thẳng:



- A. Có 3 đoạn thẳng B. Có 4 đoạn thẳng
C. Có 5 đoạn thẳng D. Có 6 đoạn thẳng

Câu 7. (0,5đ) Số cần điền vào ô trống là:

- A. 16 C. 18
B. 19 D. 17

$$72 - 27 < 12 + \boxed{?} + 15 < 47$$

Câu 8. (0,5đ) Hiện tại tổng số tuổi của mẹ và Lan là 45 tuổi. Sau 3 năm nữa, mẹ Lan sẽ tròn 40 tuổi. Số tuổi của Lan hiện tại là:

- A. 5 tuổi B. 6 tuổi C. 42 tuổi D. 8 tuổi

ĐỀ 2

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Chọn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1(0.5 điểm). Số liền trước của 99 là:

- A. 89 B. 98 C.90 D. 100

Câu 2(0.5 điểm). Số lớn nhất trong các số 53, 49, 94, 90 là:

- A. 53 B. 49 C. 94 D. 90

Câu 3(0.5 điểm). Điền vào chỗ chấm :

a. $641 - 181 = \dots 1$

- A.441 B.461 C.46 D. 361

b. $9\text{cm} + 8\text{cm} = \dots$

- A.17 cm B.18 C. 17 D. 18cm

Câu 4(1 điểm). Linh nặng 37 kg, Hải nặng hơn Linh 13 kg. Hải cân nặng số ki-lô-gam là:

- A. 40 kg B. 50 kg C. 60 kg D.70 kg

Câu 5(0.5 điểm). Kết quả của các dãy tính dưới đây là:

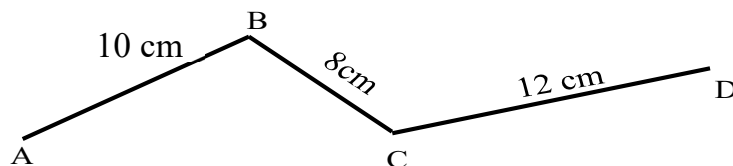
a. $9 + 7 - 8 = ?$

- A. 8 B. 10 C.15 D. 16

b. $16 - 7 + 9 = ?$

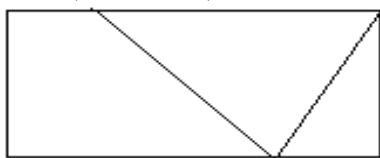
- A.9 B. 10 C. 13 D. 18

Câu 6(0.5 điểm). Độ dài đường gấp khúc ABCD là:



- A.21 cm B.22 cm C.28cm D.30 cm

Câu 7(0.5 điểm).Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu tứ giác?



- A. 2 B. 4
C. 3 D. 5

PHẦN II: TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1(2 điểm). Đặt tính rồi tính:

$49 + 51$

$90 - 6$

$80 - 57$

$68 - 34$

.....
.....
.....

ĐỀ 5

Phần I (4 điểm): Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời hoặc đáp án đúng.

1. Kết quả tính $50 + 20 - 7$ là:

- A. 43 B. 53 C. 63 D. 73

2. Kết quả của phép tính bằng 45 là:

- A. $24 + 27$ B. $37 + 8$ C. $25 + 17$ D. $28 + 18$

3. $8\text{dm} + 8\text{cm} = \dots$ Số điền vào chỗ chấm là:

- A. 16dm B. 16cm C. 88dm D. 88cm

4. Hiệu của số lớn nhất có hai chữ số khác nhau và số nhỏ nhất có hai chữ số là:

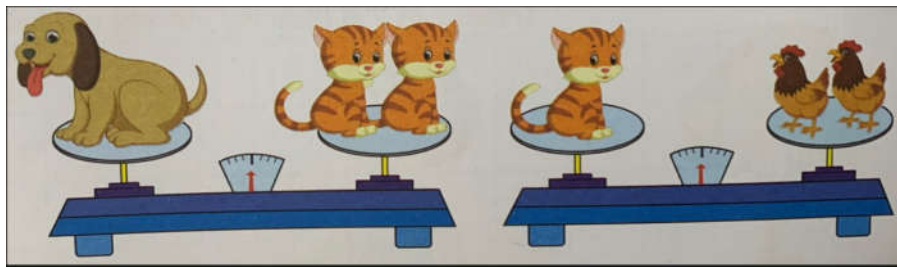
- A. 88 B. 99 C. 10 D. 98

5. Số tròn chục nào dưới đây thích hợp để vào chỗ chấm: $69 - 22 < \dots < 23 + 37$.

- A. 30 B. 40 C. 50 D. 60

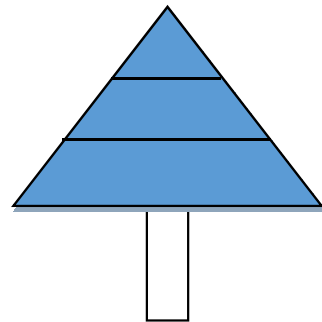
6. Mỗi con gà cân nặng 3kg. Vậy cân nặng của con chó là:

- A. 6kg
B. 15kg
C. 9kg
D. 12kg



7. Số hình tứ giác ở hình dưới là:

- A. 3
B. 4
C. 5
D. 6



8. Lan hái được 24 bông hoa, Liên hái được nhiều hơn Lan 16 bông hoa. Liên hái được số bông hoa là:

- A. 40 bông hoa B. 8 bông hoa C. 39 bông hoa D. 18 bông hoa

Phần II (6 điểm)

Bài 1: Đặt tính rồi tính.

$$45 + 49$$

$$28 + 37$$

$$100 - 8$$

$$72 - 65$$

ĐÁP ÁN ĐỀ 1

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Khoanh đúng mỗi bài được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	C	A	A	D	B	D
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

Câu 9: (1 điểm) Mỗi ý đúng được 0.25 điểm

- a. Đ b. S c. S d. S

PHẦN 2: TỰ LUẬN (5 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Làm đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm

(Thiếu kẻ ngang trừ 0,25 điểm/phép tính, đặt tính sai trừ 0,5 điểm)

- a. 52 b. 29 c. 21 d. 72

Bài 2 (1 điểm) Làm đúng mỗi câu được 0.5 điểm; đúng bước 1 được 0.25 điểm

$$40 - 10 + 13 = 30 + 13$$

$$= 43\text{cm}$$

$$52 \text{ cm} + 19 \text{ cm} - 11 \text{ cm} = 71 \text{ cm} - 11\text{cm}$$

$$= 60 \text{ cm}$$

Bài 3. a. (1.5 điểm)

Bài giải

Cám bắt được số ki-lô-gam cá là : (0.5 điểm)

$$14 - 6 = 8 \text{ (kg)} \quad (0.75 \text{ điểm})$$

Đáp số: 8 kg (0.25 điểm)

b. (0.5 điểm) Cá đã lấy của Tấm 2 kg cá.

ĐÁP ÁN ĐỀ 2

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Đáp án đúng:

Câu 1 : B

Câu 5 : a – A, b - D

Câu 2 : C

Câu 6 : D

Câu 3 : a – C, b - A

Câu 7 : B

Câu 4 : B

PHẦN II: TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1 : (2đ) Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính : 0.5 đ

$$49 + 51 = 100$$

$$90 - 6 = 84$$

$$100 - 57 = 43$$

$$68 - 34 = 34$$

Bài 2 : (1 đ) Tính

Mỗi phần đúng 0,5 đ

b) $100 - 65 + 47 = 35 + 47$

b) $19 + 37 - 44 = 56 - 44$

$$= 82$$

$$= 12$$

Bài 3 : (2 đ)

Bài giải:

(1 đ) Mẹ còn phải mua số cái khẩu trang nữa là:

(0,5 đ) $83 - 36 = 47$ (cái)

(0, 5 đ) Đáp số : 47 cái khẩu trang

Bài 4: (1đ)

(0,25 đ) Số lớn nhất có một chữ số là 9

(0,25 đ) Số nhỏ nhất có hai chữ số khác nhau là 12

Tổng hai số là :

(0,5 đ) $9 + 12 = 21$

Đáp số : 21

ĐÁP ÁN ĐỀ 3

Câu 1: (1 điểm). Mỗi ý 0,5 điểm	a/ C.12;	b/ A.4
Câu 2: (1 điểm). Mỗi ý 0,5 điểm	a/D.100;	b/D. Số trừ
Câu 3: (1 điểm). Mỗi ý 0,5 điểm	a/A.10; 20, 30	B.9
Câu 4: (1 điểm). Mỗi ý 0,5 điểm	a/ B. 88; 89	b/B<
Câu 5: (1 điểm). Mỗi ý 0,5 điểm	a/C.98	b/D. 90
Câu 6: (1 điểm). Mỗi ý 0,5 điểm	a/C.10	b/A.2kg
Câu 7: (1 điểm). Mỗi ý 0,5 điểm	a/D.6 đoạn thẳng	b/B.4 tứ giác, 2 tam giác
Câu 8 : (1 điểm) Mỗi ý đúng 0,5điểm. Đặt tính đúng 0,25 điểm. Tính đúng 0,25điểm		
Câu 9 : (1 điểm) Bài giải Nam còn lại số quyển sách là: (0,5 điểm) $16 + 7 = 9(\text{quyển})$ (0,25 điểm) Đáp số : 9 quyển sách . (0,25 điểm)		
Câu 10 : (1 điểm) - Số hạng thứ nhất là : 16 - Số hạng thứ hai là : 9 Tổng của hai số là : $16 + 9 = 25$ Đáp số : 25		

ĐÁP ÁN ĐỀ 4

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Bài	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	B	A	A	D	C	A
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

PHẦN 2: TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Làm đúng mỗi phép tính được 0,5 điểm

(Thiếu kẻ ngang trừ 0,25 điểm/phép tính ; đặt tính lệch hàng, cột trừ 0.25 điểm/phép tính)

a. 81 b. 54 c. 37 d. 18

Bài 2. (1 điểm) Làm đúng mỗi phần được 0,5 điểm.

a. $63 + 18 - 27 = 54$

b. $25 - 11 + 54 = 68$

Bài 3. (2 điểm)

Bài giải

Lúc đầu trong thùng có số lít xăng là: (0,5 điểm)

$$36 + 64 = 100 \quad (1) \quad (1 \text{ điểm})$$

Đáp số: 100 lít xăng (0,5 điểm)

Bài 4:

- a. Một phép cộng có tổng bằng một số hạng: $4 + 0 = 4$; $0 + 9 = 9$; ... (0.5 điểm)
- b. Một phép trừ có số bị trừ bằng hiệu: $98 - 0 = 98$; $34 - 0 = 34$; (0.5 điểm)

ĐÁP ÁN ĐỀ 5

Phần 1: (4 điểm):

- Mỗi phần khoanh đúng cho 0,5 điểm.

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8
C	B	D	A	C	D	B	A

Phần 2: (6 điểm):

Bài 1: (2 điểm)

- Mỗi phần đặt tính và tính đúng cho 0,5 điểm

Bài 2: (1 điểm)

- Mỗi phần điền đúng cho 0,25 điểm

Bài 4 : (2 điểm)

- Đúng câu trả lời cho 0,75 điểm
- Viết và tính đúng phép tính cho 1,5 điểm
- Đúng đáp số cho 0.25 điểm
- Sai, thiếu đáp số trừ 0,25đ

Bài 7: a/(0,5 điểm)

- Điền đúng phép tính được 0,5 điểm
- VD: $76 + 9 = 85$

b/ Con kiến vàng bò đoạn đường dài hơn.